

Như Lai Tạng

Thắp nén Tâm Hương Con :

Kính Cúng Dường và Tri Ân Chư Phật Tổ, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng.

Kính Cúng Dường và Tri Ân toàn thể Quý Thầy Cô, Quý Thiện Tri Thức từ vô thủy...

Kính Cúng Dường và Tri Ân Cửu Huyền Thất Tổ, Cha Mẹ, Gia Đình, Họ Hàng từ vô thủy...

Kính Cúng Dường và Tri Ân Muôn Loài, Muôn Vật, Hữu Tình Vô Tình, Toàn Thế Giới, Đại Vũ Trụ từ vô thủy...

Kính Cúng Dường và Tri Ân Quý Vị Ân, Oán từ vô thủy...

Kính Cúng Dường và Tri Ân Toàn Thể : Quý Vị Bạn Bè Đời, Đạo từ vô thủy...

Kính Cúng Dường và Tri Ân Toàn Thể : Quý Anh Hùng, Liệt Sĩ, Quý Anh Thư, Quý Vị Chiến Sĩ Trận Vong Hữu Danh, Vô Danh, Quý Oan Hồn Vô Thừa Nhậntừ vô thủy.

Kính Cúng Dường và Tri Ân Toàn Thể : Quý Ân Nhân, Quý Bạn Đạo Hiện Hữu đã đóng góp công lao vô bờ từ thô tới tế, từ vật chất đến tinh thần để tô điểm, hoàn thành về mọi mặt và toàn diện cho Thiền Viện....

Thề nguyện Toàn Thể Chúng Sinh chúng ta đều Siêu Việt Vô Minh Sinh Tử để nhận ra

Bản Tính của chính mình vốn là Thường Trụ, vốn là: **Như Lai Tạng**

Như Lai Tạng

Đối với con mắt Phật, Bồ Tát và những ai đã mở con mắt Tâm thì quả là y như Đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm, Ngài tóm thu tất cả Tứ Khoa Thất Đại: Ngũ Uẩn, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới và Thất Đại về Như Lai Tạng là vì muôn cảnh, muôn vật, muôn sự... nó vốn dĩ như thế không xưa, không nay, không mới, không cũ, không sinh, không tử, không Phật, không chúng sinh...

Còn đối với con mắt của chúng sinh chúng ta thì ngược lại trước cảnh hóa hiện Cực Lạc hiện hữu do Tính Không, còn gọi là Pháp Giới Tính trùng trùng Duyên Khởi ra muôn cảnh vật huyền hóa dường như có mà không phải thật có, dường như không mà không phải thật không, thì tự dưng không nguyên nhân, không lý do chúng ta tự sinh khởi ra cái Giác tức là cái Kiến, Văn, Giác, Tri (cái Thấy, Nghe, Hay Biết), đó là cái Vọng Giác, Vọng Tâm, rồi từ cái Vọng Giác tức cái Kiến, Văn, Giác, Tri này lại khởi lên một Niệm, tức Nhất Niệm Vô Minh (Vọng Niệm) là Niệm Nhị Biên Phân Biệt luôn đối đãi, chấp thật, chấp giả! Và chúng ta đã tự chấp muôn cảnh muôn vật hiện hữu là có Thật; Cũng vì cái điên đảo của Nhất Niệm Vô Minh này đã đem Trí chuyển thành Thức để rồi sinh ra 84 ngàn phiền não, trần lao! Như vậy là muôn điều đều do Nhất Niệm Vô Minh hóa thân, mà gốc của Nhất Niệm Vô Minh này là Vọng Giác, còn gọi là Vọng Tâm, hay rõ hơn nữa là Kiến Văn Giác Tri, không ngoài Thân Tâm chúng ta: khi Thấy, Nghe, Hay Biết là Vọng Biết, khi không thấy, không biết là Vô Ký Không, tức Vô Thủy Vô Minh.

Ai ai cũng thắc mắc Vọng Tâm, Vọng Tưởng này ở đâu ra? Nhất Niệm Vô Minh này từ đâu đến? Xin thưa rằng trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật giảng rõ rằng : Đã gọi là Vọng thì là Giả, là Không Thật; Đã gọi là mơ thì làm gì có nguyên nhân nào như câu chuyện Diễn Nhã Đạt Đa, một hôm soi gương, chợt hoảng hốt khi thấy rằng mình không có đầu. Nổi kích động lớn đến nỗi khiến Diễn Nhã Đạt Đa hóa điên và chạy quanh để tìm xem ai đã lấy mất cái đầu của mình? Cũng như có một giả thuyết khác, cho rằng Diễn Nhã Đạt Đa khi nhìn vào trong gương thấy rằng lông mày, con mắt có thể thấy được thì tại sao cái đầu lại không thấy được mặt mày, cho nên nổi điên giận trách cái đầu và cho là giống yêu quái rồi bỏ chạy.

Chúng ta đều sống trong Mơ, mê muội với cái Vọng Giác và Niệm Nhị Biên Phân Biệt nên trước Cảnh sinh Tâm; Thay vì chúng ta là Phật, là cái vượt ngoài có/không, thật/giả, biết/không biết thì nay tự chúng ta lật ngược lại: Phật thành Chúng Sinh, Cõi Cực Lạc thành Cõi Sa Bà, là cõi Vô Thủy Vô Minh của Thân, Tâm, Thế Giới, cũng là nguồn gốc của Sinh Tử để tự động Vô Thủy Vô Minh là Thế, Nhất Niệm Vô Minh là Dụng, và đây xin nhấn mạnh, nhắc lại ở trên là khi nào chúng ta biết là Vọng Giác, Vọng Biết, khi nào chúng ta Không Biết là Vô Ký Không, tức Vô Thủy Vô Minh!

Với Nhất Niệm Vô Minh suốt đời này qua đời khác, chúng ta là người đang Mơ, sống trong cảnh Mơ thì mọi tìm hiểu phân tích, mọi phát minh gì gì chẳng nữa cũng chỉ là Mơ, dù giấc Mơ ngắn hay dài, kết quả nào cũng là con số không, vì đã là Mơ thì không phải là thật! Cứ như thế với Niệm Vô Minh này nó theo dết mọi Vọng Tưởng Phiền Nã, cái Ý Niệm Kiên Cố luôn luôn chấp Thật có Ta, có Người, có Nghiệp Thiện, Nghiệp Ác, có Sinh Mạng với số lượng thời gian, không gian và rồi đi đến kết quả là chúng ta đã tự tạo, tự chiêu cảm nên Vòng Sinh Tử Luân Hồi không bao giờ chấm dứt.

Để tỉnh mộng, chúng ta cần Giác Ngộ thì mới ra khỏi cơn mộng mơ quái ác sinh tử ấy! Mà khi muốn tỉnh mộng, chúng ta cũng phải có phương pháp, nhưng chẳng có phương pháp nào hữu hiệu và thực tế bằng nương vào một phương pháp thực tiễn nhất của Đức Phật, là học hỏi về chính Thân Tâm mình để tỉnh ngộ chính mình.

Khi hiểu biết rõ ràng về mình, rõ biết mình là ai, thì sẽ biết rõ vũ trụ, vạn vật, và cũng là mục đích đã được hoàn tất.

Sau đây là những phần chúng ta cần học để hiểu về chính chúng ta :

- I. Thân Tâm Vô Minh.
- II. Phương pháp hết Vô Minh.
 - 1.- Tỉnh mộng (Kiến Tính).
 - 2.- Sau khi Kiến Tính : “Kiến Tính rồi mới khởi Tu”.
- III. Kết luận về Tứ Khoa Thất Đại.

I./ Thân Tâm Vô Minh : Bởi Vọng Giác (Kiến, Văn, Giác, Tri), Bởi Nhất Niệm Vô Minh mà chúng ta có Thân Tâm Vô Minh; Con người của chúng ta từ ngoài vào trong bao gồm bởi Tứ Khoa, Thất Đại được tóm tắt tổng quát như sau :

1.- Tứ Khoa gồm : Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ và Thập Bát Giới.

A./ - Ngũ Ấm : Là Năm cái ngăn che chúng ta không nhận được Tự Tính :

- ❖ Ngăn che do **Hình Tướng** (Thân và Cảnh) thì gọi là **Sắc Ấm**.
- ❖ Ngăn che do **Cảm Giác** thì gọi là **Thọ Ấm**.
- ❖ Ngăn che do **Tưởng Tượng** các Danh Tướng thì gọi là **Tưởng Ấm**.
- ❖ Ngăn che do **Tâm Niệm** thay đổi bởi các sự vật hoặc đáp ứng với sự vật thì gọi là **Hành Ấm**.
- ❖ Ngăn che do những **Tập Quán** sai lầm chứa chấp trong Tiềm Thức thì gọi là **Thức Ấm**.

B./- Lục Nhập : Là Sáu cách thu nạp Trần Cảnh (Tiền Cảnh), ngăn che Tự Tính.

- **Nhãn Căn** thu nạp **Sắc Trần.**
- **Nhĩ Căn** thu nạp **Thanh Trần.**
- **Tỷ Căn** thu nạp **Hương Trần.**
- **Thiệt Căn** thu nạp **Vị Trần.**
- **Thân Căn** thu nạp **Xúc Trần.**
- **Ý Căn** thu nạp **Pháp Trần.**

C./- Thập Nhị Xứ: Là mười hai chỗ sinh ra sự Hay Biết, ngăn che Tự Tính.

- ✓ **Nhãn Căn** với **Sắc Trần.**
- ✓ **Nhĩ Căn** với **Thanh Trần.**
- ✓ **Tỷ Căn** với **Hương Trần.**
- ✓ **Thiệt Căn** với **Vị Trần.**
- ✓ **Thân Căn** với **Xúc Trần.**
- ✓ **Ý Căn** với **Pháp Trần.**

D./- Thập Bát Giới : Là mười tám cái riêng biệt giới hạn gồm:

- ❖ **Sáu Căn** (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý).
- ❖ **Sáu Trần** (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)
- ❖ **Sinh ra Sáu Thức** (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức) ngăn che Tự Tính.

2.- Thất Đại (tổng quát) gồm: Đất, Nước, Gió, Lửa, Không, Kiến và Thức.

Thân người gồm :

- **Đất** : Xương, da, lông móng...
- **Nước** : Máu mủ, mồ hôi, nước bọt...
- **Gió** : (Không khí) : hơi thở, thổi hơi
- **Lửa** : Hơi ấm
- **Không**: Hư không vô ký (khi còn Vô Minh)
- **Kiến** : Cái Thấy tĩnh lặng không dao động (Thể)
- **Thức** : Tâm Ý Thức phân biệt nên dao động (các tác dụng nhận biết muôn điều, muôn vật của Thế Gian).

Tứ Khoa, Thất Đại đi vào chi tiết hơn như sau :

- ❖ **Ngũ Ấm hay Ngũ Uẩn :** Hơi phức tạp, chúng ta sẽ đi từ thô tới tế, từ vật chất đến tinh thần cho nên cái tên của nó cũng theo đó mà thay đổi sao cho hợp tình, hợp lý với nó như những tên: Ngũ Uẩn – Ngũ Trược – Ngũ Vọng và Ngũ Thức.

1- Ngũ Uẩn (Tổng Quát) gồm có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

- **Sắc Uẩn :** Ngăn che Chân Tính bởi mọi Hình Tướng là Thân, Cảnh như tất cả mọi vật có hình tướng và màu sắc.
- **Thọ Uẩn:** Ngăn che Chân Tính do Cảm Giác như mọi sự đau đớn, nóng lạnh...(thuộc về Thân), khổ vui, yêu ghét...(thuộc về Tâm).
- **Tưởng Uẩn:** Ngăn che Chân Tính do tưởng tượng các danh tướng của mọi sự vật, Thí dụ: ngồi đây mà tưởng nhớ người, nhớ cảnh bên Việt Nam, và ngược lại từ mọi sự vật trước mắt, tùy theo cá tính riêng, những cái đặc biệt riêng và những cái liên hệ của chúng mà tưởng tượng rồi đặt tên, tạo hình cho chúng.
- **Hành Uẩn:** Ngăn che Chân Tính do Tâm Niệm thay đổi từng sát na bởi đáp ứng, va chạm với mọi sự, mọi vật, có nghĩa là Tâm Niệm không bao giờ cố định; Nó bị chi phối, thay đổi theo cảm giác tiếp xúc với muôn cảnh vật. Nói cách khác Tâm Niệm chạy theo vạn vật và bị vạn vật chuyển!
- **Thức Uẩn:** Ngăn che Chân Tính do những chủng tử của tập quán, thói quen bảo thủ sai lầm chứa chấp trong tiềm thức: chấp ngã, sân hận, ngạo mạn, nghiện rượu, thuốc...v...v...

Bản tính của chúng ta vốn Thường Trụ, Thanh Tịnh nhưng vì tự chúng ta tạo ra cái Vọng Tâm, đương nhiên phải theo vọng và để Vọng Tưởng choán mất Tâm Tính nên mới sinh ra Ngũ Trược.

2- Ngũ Trược (Ngũ Trược đi vào chi tiết hơn) gồm có : Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sinh Trược và Mệnh Trược.

- SẮC** { ***Kiếp Trước** (Từ cái vốn Vô Vi, tự khởi Vọng Giác rồi lật ngược lại để tạo thành kiếp chúng sinh):* Cùng một Tâm Tính mà tự chia làm hai có Năng, có Sở (Ta/Người Thân/Tâm) nhưng giai đoạn này thì Năng Minh (Ta, Tâm Ta) chưa có phân biệt và Sở Minh (Người, Thân Ta) chưa có hình tướng. (*Cái Bào Thai đang cấu tạo chưa thành Thân, Tâm*).
- THỌ** { ***Kiến Trước** :* (Giai đoạn Kiến Trước tạo thành Tà Kiến, Vọng Kiến): Tâm Tính đã bị chia ra có Thân Tâm, có Cảnh, tự đem cái Vọng Hay Biết (Năng Minh) cột vào cái Thân Tứ Đại làm cho những vật vô tri cũng có hay biết, rồi đem Thân đối với Cảnh, Cảnh đối với Thân, nên sinh ra nhiều cảm giác khác nhau, nhưng ở giai đoạn này cảm giác vẫn còn hồn nhiên nên chưa phân tích ra thành sự sự, vật vật. (*Đứa bé đã chào đời*).
- TƯỚNG** { ***Phiền Não Trước** (tạo thành nghiệp quả)* Là ý thức gom góp, tóm thu tất cả mọi cảm giác; khi Thân Tâm đối Cảnh, Cảnh đối với Thân Tâm thì trước tiên Ý Thức phát hiện mọi hình tướng của mọi sự vật, rồi nương theo các hình tướng chung ấy mà phân biệt sự này, vật khác tùy vào từng cá tính đặc biệt hay hình tướng đặc biệt riêng của nó mà đặt tên, mà tạo nên cảnh danh tướng, rồi ưa/ghét, nhớ/thương, nghĩ ngại, làm cho Tâm Thức luôn luôn bị rối loạn, căng thẳng và khổ não! (*Đứa bé trên đường trưởng thành, đang học hỏi và đang tạo những nghiệp Thiện Ác*).
- HÀNH** { ***Chúng Sinh Trước** (tạo thành chúng sinh trôi lăn) :* Tới giai đoạn này thì cái Vọng Tưởng Thân Tâm đã trưởng thành, có nghĩa là chúng ta đã hoàn toàn rời bỏ Chân Tâm Thường Trụ để nhận cái Vọng Tâm Thức phân biệt, sinh diệt là Tâm mình, nhận cái Thân Tứ Đại Sinh Diệt làm Thân mình thì làm sao mà tránh được quả báo Diệt Sinh! Mặc dù chúng ta muốn sống mãi, nhưng quả báo Sinh Diệt lại bắt buộc những cái có Sống thì phải có Chết nên khi chúng ta phải Chết thì cứ khóc than, luyến tiếc mãi cái sống, do lẽ đó chúng ta cứ bám víu vào hết Thân này đến Thân khác để được sống! Đó là dòng nghiệp báo dài vô cùng tận để chúng ta xoay vần mãi trong Lục Đạo. (*Đã thành Chúng Sinh, Thân Tâm chấp chước kiên cố như sắt, như thép khó mà chuyển hóa*).
- THỨC** { ***Mệnh Trước** (Định Mệnh an bài cố định):* Chúng ta sống với Thân nào ở trong Lục Đạo thì bị dính liền với Thân ấy, và phải bị các tổ chức của Thân ấy ràng buộc theo từng bộ phận trên Thân mà lĩnh thụ những cảm giác nhất định làm cho cái Tính Thấy Biết Viên Mãn bị hiện nghiệp hạn chế, cho nên chúng ta chỉ Thấy với Con Mắt, Nghe với cái Lỗ Tai...v...v... (*Chúng Sinh tự tạo nghiệp, tự chiêu cảm để có định mệnh an bài trong 6 nẻo*).

3 - Ngũ Vọng (Cội Gốc của Ngũ Ấm) :

Cội gốc của Ngũ Ấm đều là Vọng Tưởng, chúng ta bao kiếp sinh tử trôi lăn hết Thân này lại qua Thân khác chỉ vì cố chấp, chấp thật cái Vọng Tâm, Ý, Ý Thức là mình, nên khi gá vào Thân nào thì đem Vọng Tâm Thức vào Thân ấy để tạo thành Ngũ Vọng như được trình bày sau đây:

Vọng Tưởng Kiên Cố (cội gốc của Sắc Ấm) :

SẮC { Như Sắc Thân hiện tiền của chúng ta nay là Vọng Tưởng Kiên Cố.

Vọng Tưởng Hư Minh (cội gốc của Thọ Ấm) :

THỌ { Các Cảm Thọ đều xúc động đến Thân Thể một cách vi tế đến nỗi chỉ tưởng tượng thôi mà Sắc Thân bị ảnh hưởng và bị sai khiến, Thí dụ: chỉ nghe nhắc đến quả chanh, chua lắm mà trong miệng nước bọt chảy ra, nếu cái Sắc Thân của chúng ta không phải đồng một loài hư vọng, duyên cớ gì mà bị ảnh hưởng? chung qui chỉ vì chấp mọi cảm giác là Thật, là thường hằng nên chúng ta mới bị mọi cảm giác thế gian trói buộc chặt chẽ khó mà thoát ra được!

Vọng Tưởng Dung Thông (cội gốc của Tưởng Ấm)

TUỞNG { Ý nghĩ sai khiến Sắc Thân, nếu Sắc Thân không phải cùng loài hư vọng thì làm sao Thân chúng ta lại theo ý nghĩ sai khiến! Lúc thức thì Tâm Thức lúc nào cũng tưởng tượng các danh ngôn, danh tướng, rồi lại từ danh ngôn, danh tướng mà tưởng tượng ra sự sự, vật vật để sống trong cảnh danh ngôn, danh tướng! Khi ngủ thì chiêm bao, cũng sống trong cảnh danh ngôn (lời nói), danh tướng, làm cho Tâm Niệm luôn luôn bận rộn, lay động. Những Vọng Tính tưởng tượng, suy nghĩ lay động đó là Vọng Tưởng Dung Thông.

Vọng Tưởng U-Uẩn (cội gốc của Hành Ấm) :

HÀNH { Tư Tưởng cùng thân thể của chúng ta chuyển hóa không ngừng, thăm thăm dời đổi, sinh sinh, diệt diệt mãi từng sát na mà chúng ta không hề hay biết như: móng tay, tóc dài ra, khí lực tiêu, da mặt nhăn v...v...những cái âm thầm dời đổi, các hành niệm không dừng mà chúng ta không hề hay biết đó là Vọng Tưởng U Uẩn.

Vọng Tưởng Vi Tế (cội gốc của Thức Ấm) :

THỨC { Xin luận bàn sơ qua: Thức Ấm là Đệ Bát Thức, là Vọng Thức vì nó chịu và bị từng niệm, từng niệm hư vọng huân tập; Cái Đệ Bát Thức, Vọng Tưởng Diên Đảo, vi tế huyền hóa, trống rỗng, tập trung, gom góp và quán xuyên mọi điều Thấy, Nghe, Hay Biết của chúng ta; Tạng Thức này thấy như vắng lặng, thực ra không phải thế, nó như dòng nước chảy gấp, vì chảy quá nhanh mà trông như đứng lặng chứ không phải là không chảy; Nói cách khác là niệm niệm sinh diệt tiếp nối nhau không dứt, mọi chủng tử liên tục không ngưng... Nếu cội gốc của nó không phải là Vọng Tưởng thì nó đâu có chịu để từng niệm hư vọng huân tập như thế, rồi tự ghi và giữ lại mọi hình ảnh, khiến cho chúng sinh có thể nhớ lại mọi điều trong quá khứ, vậy cội gốc của Thức Ấm là Vọng Tưởng Vi Tế huyền hóa.

Với cái vọng này chúng ta cột chặt, chấp chặt và mang theo hết đời này sang đời khác, hết Thân này đến Thân khác. Bằng một Vọng Thói Quen, một quan niệm Vọng thật vững chắc không thay đổi, chấp thật Thân Thất Đại và Ngũ Uẩn là mình, rồi ôm theo Thân Thức (Bát Thức Vô Tướng), là cái Luồng Nghiệp Lực bất biến mà lại diễn tiến không hề ngừng từng Sát Na! Nó chính là Luồng Nghiệp Lực cuối cùng khi ta Chết, và nó lại Tái Sinh, nên cũng là Luồng Nghiệp Lực đầu tiên cho ta đi Thọ Thai. Cứ quanh quẩn mãi như thế không bao giờ chấm dứt, để chúng ta phải an phận với Thân Ngũ Uẩn, vì đã lỡ đem Chân Tính Thường Trụ chia ra Sáu Căn làm cho sự Thấy, Nghe, Hay Biết bị ngăn ngại, cách bức nhau, và cũng tự chiêu cảm với định mệnh, để an bài trong Sáu nẻo.

4.- Bát Thức (Ngũ Ấm đi vào vi tế) gồm có :

SẮC, THỌ { **A./ Tiền Ngũ Thức** (Sắc, Thọ) do:
Năm Căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân *đối với Năm Trần*: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc khiến ta có Tiền Ngũ Thức.

TƯỞNG { **B./ Tưởng Ấm** : Là Ý Thức, cũng còn gọi là (Thức số 6), có rất nhiều nhiệm vụ như nó vừa làm môi giới cho Mạt Na Thức (Thức số 7) vừa liên hệ với A Lại Gia Thức (Thức số 8) bên trong, lại vừa liên hệ với Tiền Ngũ Thức (Năm Thức đầu) bên ngoài; Nó có tên khác nhau tùy theo nhiệm vụ mà gọi như :

Thức Nhi Biên Phân Biệt : Nó luôn phân biệt, học hỏi, quan sát, tính toán, nhận biết về Trần Cảnh (mọi sự, mọi vật của Thế Gian), nếu không có nó thì 6 Căn tiếp xúc từng Sát Na với 6 Trần chỉ có Giác Quan, như Nhãn Căn Thấy mà không biết là Thấy gì! Nhĩ Căn nghe tiếng mà không biết là tiếng của cái

TƯỚNG

gì! cho nên phải có nó mới phân biệt minh bạch, là khi thấy thì thấy người hay vật, màu xanh hay đỏ; Khi nghe tiếng, thì nghe tiếng người hay tiếng chim kêu, tiếng xe chạy...v...v...

Độc Đầu Ý Thức: Chỉ một mình Ý Thức tự duyên, tự biến, tự tạo doing những cảnh tượng trong chiêm bao mà không cần liên hệ gì với Năm Căn trước (Ngũ Giác Quan)

Nhiệm Vụ Tưởng Tượng: Nó điên đảo, thêu dệt, tưởng tượng hình tướng rồi đặt tên, đặt tuổi cho các sự sự, vật vật để có cảnh danh ngôn (lời nói): mà nói, mà viết; để có cảnh hình tướng: mà vẽ, mà tả...Rồi lại từ tướng hình, lời nói, lời viết mà tưởng tượng ra sự sự, vật vật

Tóm lại, Ý Thức là một trong Tám Thức rất quan trọng vì sự hoạt động của nó rất rộng rãi, chính bản thân nó thì luôn luôn hoạt động ngày đêm, nhưng cũng có lúc gián đoạn như khi ngủ thật say không mộng mơ, khi bị chụp thuốc mê và khi bất tỉnh.

C./ Hành Ấm: Là Ý Căn, Là Mạt Na Thức (Thức số 7) :

Hành là kết quả của Tưởng, cũng là quả của Ý Thức; Nó có rất nhiều nhiệm vụ :

1./

Phân Thô: Bị Ý Nghĩ sai khiến nên tự động Thân Khẩu vâng lệnh thi hành một cách thật hài hòa với Ý Nghĩ.

Phân Tế: Tư tưởng vận hành âm thầm rất vi tế là:

HÀNH

a) Dem tất cả mọi niệm dù Thiện hay Ác vào Tạng Thức (Thức số 8) làm Nhân Nghiệp, cất giữ ở đó để chờ đầy đủ Nhân Duyên mà tạo Quả Thiện hay Quả Ác, Quả nào đủ Nhân Duyên chín trước thì sẽ được phát hiện ở tương lai.

b) Dem các Pháp, các Chủng Tử, các quả Thiện, Ác từ trong Tạng Thức (Thức số 8) truyền tống ra ngoài khi cần; Do đó nó còn có tên là Truyền Tống Thức.

2./ Là cội gốc của Ý Thức (Thức số 6), sinh ra Ý Thức.

3./ Cháp Ngã, cũng là Thức số 7.

4./ Kẻ coi kho (Kho A Lại Gia Thức).

HÀNH

5./ Suy nghĩ, ôn lại, thu nạp những điều đã học hỏi, nhưng lúc nhớ, lúc quên tùy theo Tiềm Thức đưa ra được cái gì thì gọi là nhớ, Tiềm Thức không đưa ra được thì gọi là quên, chỉ vì Ý Căn không thể duyên, và đi thẳng ngay vào Tiềm Thức được. Như vậy, do Nhớ/Quên, Thức/Ngủ đối đãi mà có Ý Căn; Ý Căn đối đãi với Pháp Trần mà có Ý Thức.

Tóm lại Ý Căn và Ý Thức đều có Chung Tử Chấp Ngã rất mãnh liệt nhưng hơi khác nhau như:

Thức số 6 (Ý Thức) được dùng khi: Tính toán, học hỏi, mưu mô để bảo vệ, tư lợi cho Bản Ngã.

Thức số 7 (Mạt Na Thức) được dùng khi: bất thần bị cái gì bay vào mắt, bất thần bị lửa chạm vào Thân, bất thần bị ai đánh...thì Mạt Na Thức tự tránh né để Bảo Vệ cho Bản Ngã một cách thật nhanh nhẹn và sắc bén, trong khi đó thì Ý Thức chưa đủ nhanh để can thiệp.

THỨC

D) Thức Ấm (Thức số 8 vào vi tế) : Thế Giới, Chúng Sinh, Luân Hồi, Sinh Tử đều do Vọng Tâm, Ý, Ý Thức tạo dựng, nên Thân Tâm con người chúng ta gồm có 8 Thức là:

Tiền Ngũ Thức : Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức (thuộc về Thân).

Thức số 6 : Ý Thức là Thức Nhị Biên luôn luôn phân biệt Trần Cảnh.

Thức số 7 : Mạt Na Thức, chính là Bản Ngã (Ego, tiềm ẩn bên trong).

Thức số 8 : (Đi vào chi tiết và vi tế hơn)

Được gọi nhiều tên tùy theo sự huân tập Thiện hay Ác, Tốt hay Xấu mà đổi tên, thường ra khi chưa hiểu gì thì ai cũng gọi nó là Thần Thức tức là Thức Tái Sinh, là Luồng Nghiệp Lực Bất Biến mà diễn biến không ngừng từng Sát Na. Nó là Luồng Nghiệp Lực cuối cùng (chết) và cũng là Luồng Nghiệp Lực đầu tiên khi đi Nhập Thai. Thức này tiềm ẩn rất sâu, sâu hơn Mạt Na Thức rất nhiều và được ví như một cái Kho, rộng mênh mông, sâu thăm thẳm, nó ghi nhận và chứa mọi Hạt Giống Thiện Ác của Thân, Khẩu, Ý để tạo thành một dòng Nghiệp Lực Bất Biến, dài vô cùng tận, Nó liên tục từng Sát Na với các Nghiệp đã tạo, đang tạo và sẽ tạo để định đoạt, an bài cho chúng ta đi vào Lục Đạo.

Thức số 8 có nhiều tên gọi là do sự huân tập :

THỨC

Lúc ban đầu nó có tên là A Đà Na Thức, bản tính của nó là Vô Ký, không phải Thiện, không phải Ác, tùy theo sự huân tập mà có Thiện, có Ác, có Mê, có Ngộ.

Chúng ta vì một Niệm Bất Giác (Nhất Niệm Vô Minh) chấp có Thật Ngã, vô tình đã huân tập A Đà Na Thức có những Chủng Tử (Tập Khí) Chấp Ngã, do đó A Đà Na Thức được đổi tên là A Lại Gia Thức.

Khi chúng ta nhận ra và biết sợ hãi cho cuộc đời dâu bể, sinh diệt nên đi tìm con đường giải thoát, là đã biết Tu Hành và Tu cho đến khi diệt trừ được Ngã Chấp, có nghĩa là Chủng Tử Vô Ngã Trí đã đủ sức mạnh để ngăn cản không cho Chủng Tử Chấp Ngã phát hiện ra nữa, thì A Đà Na Thức đổi tên là Dị Thục Thức (Dị: là khác nhau, Thục: là thành thục).

Dị Thục gồm 3 nghĩa a :

1.- Khác Thời Gian mà Thành Thục: Thí dụ mỗi ngày học một ít chữ, lâu ngày sẽ đọc và viết được.

2.- Khác Loài mà Thành Thục:

Thí dụ học Toán, lúc học trong sách thì khác, đến khi ứng dụng thì lại giải được những bài toán không có trong sách.

3.- Biến ra mà Thành Thục :

Thí dụ những nhà Khoa Học nghiên cứu lâu ngày thì sự hiểu rộng, biết nhiều được chất chứa trong Tạng Thức nên sẽ có lúc độc xuất phát minh ra những điều không có trong sách đã từng học.

Cứ như thế Dị Thục Thức tùy theo những cái Nhân của sự huân tập mà hiện ra Quả, do lẽ đó Dị Thục Thức thường thay đổi cho đến khi Tu Hành tiến triển đến giai đoạn diệt được mọi Pháp Chấp có nghĩa là những chủng tử Pháp Chấp bị Chân-Như-Trí quá siêu việt ngăn cản, không cho hiện hành thì Đệ Bát Thức biến thành Toàn Thiện, không còn là Vô Ký nữa, nên nó không còn chịu cho các Chủng Tử Vô Minh, Bất Thiện huân tập nữa, tới giai đoạn này thì A Đà Na Thức đổi tên là Bạch Tịnh Thức (A Ma La Thức) kết hợp với Đại Viên Cảnh Trí và Hành Giả tu hành đã vào được Kim Cương Địa; Với Giáo Môn thì việc tu hành coi như đã xong, nhưng với Thiên Tông thì tới Bạch Tịnh Thức vẫn còn chưa xong, và còn phải tiến thêm một bước nữa, là ra ngoài cả Thiện lẫn Ác.

E.- Lục Nhập : Là Sáu cách thu nạp các cảm giác của Sáu Căn:

- Nhãn Căn** : Mắt Thấy
- Nhĩ Căn** : Tai Nghe
- Tỉ Căn** : Mũi Ngửi
- Thiệt Căn** : Lưỡi Nếm
- Thân Căn** : Cảm Xúc Nóng, Lạnh, Trơn, Nhám...
- Ý Căn** : Pháp Trần (Mọi Tư Tưởng...)

Trong Sáu cách nhập của Sáu Căn thì Năm Căn đầu, còn gọi là Ngũ Giác Quan, tương đối giản dị, dễ hiểu, riêng Ý Căn là Căn số 6 thì hơi phức tạp và cũng hơi khó hiểu; Chúng ta có thể tạm hiểu như sau :

- ❖ **Ý Nhập** : Là sự thu nạp của Ý Căn.
- ❖ **Ý Căn**: Là cái Ý Niệm tiềm tàng, nó thu nạp các danh ngôn, hình tướng của mọi sự vật bằng cách nương theo các cảm giác đặc biệt, hoặc do những việc đã học tập, ghi nhớ từ trước thường là qua Ý Thức.

Cũng xin nhắc lại những đặc điểm và nhiệm vụ của Ý Căn một lần nữa: Chúng ta khó thấy và khó rõ về Ý Căn như thế nào vì khi thức thì Ý Thức hoạt động mãnh liệt quá, chỉ khi ngủ thật say không mộng mơ, khi té bất tỉnh, khi bị chụp thuốc mê, lúc ấy Ý Thức tạm ngưng, không phát khởi, thì ta mới thấy được Ý Căn ra sao. Thật ra thì khi ngủ, không phải là hoàn toàn không biết là có mình.

- Cái biết ngấm ngầm trong lúc ngủ là Ý Căn

- *Ý Căn không duyên với ngoại cảnh mà chỉ duyên với những cảnh danh ngôn, danh tướng đã xảy ra trong quá khứ, đã học tập từ trước, hoặc không có trước mắt;* Trong lúc Ý Căn duyên với Pháp Trần như thế thì cái Thấy, cái Nghe hình như rời bỏ ngoại cảnh mà xoay vào bên trong để suy nghĩ, thu nạp, ôn lại những điều đã ghi nhớ, nhưng sự thật thì cái Thấy, Nghe đó cũng chỉ đi đến Pháp Trần mà không vào thẳng được Tiềm Thức, có nghĩa là Ý Căn không thể tự duyên thẳng với các điều đã học tập, mà hoàn toàn trông cậy vào Tiềm Thức đưa ra được điều gì thì gọi là Nhớ, và khi Tiềm Thức không đưa ra được thì gọi là Quên. Do những Nhớ/Quên, Thức/Ngủ, đối đãi như vậy thành ra có Ý Căn. Ngoài những việc ấy ra, Ý Căn không có Tự Thể.

F.- Thập Nhị Xứ: là mười hai chỗ sinh ra sự hay biết, ngăn che Tự Tính

- **Nhãn Căn** với **Sắc Trần**

- *Nhĩ Căn* với **Thanh Trần**
- *Tĩ Căn* với **Hương Trần**
- *Thiệt Căn* với **Vị Trần**
- *Thân Căn* với **Xúc Trần**
- *Ý Căn* với **Pháp Trần**

G.- Thập Bát Giới : Là mười tám cái riêng biệt giới hạn gồm :

- ✓ *Sáu Căn* (Nhĩ, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý)
- ✓ *Sáu Trần* (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)
- ✓ *sinh ra Sáu Thức* (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức)
ngăn che Tự Tính

H.- Thất Đại : Như đã nói ở trên, ngay trang đầu, nay xin nhắc sơ lại :

Trước cảnh hóa hiện của Cực Lạc do Tính Chân Không Diệu Hữu ánh ra, nên có muôn cảnh vật như huyễn, như hóa, chỉ dường như có chứ không phải thật có, dường như không chứ không phải thật không; Sự thật Bản Chất của sự sự, vật vật này là Tính Không, là Pháp Giới Tính, là Tính trùng trùng Duyên Khởi của mọi sự, mọi vật. Chỉ vì trước Cảnh sinh Tâm, tự đứng không nguyên nhân gì cả mà chúng ta sinh khởi ra cái Giác, là Vọng Giác rồi từ Vọng Giác, lại sinh khởi Nhất Niệm Vô Minh là Niệm Nhị Biên đối đãi chấp thật, chấp giả, niệm này đã tự chuyển Trí thành Thức, cho nên khi chúng ta hiểu biết về bất cứ cái gì thì chỉ là Vọng Biết, và khi chúng ta không biết là Vô Ký Không tức Vô Thủy Vô Minh; Cũng do lẽ đó mà có Thất Đại hiện hóa nơi ta và cùng Pháp Giới.

- ❖ **Phong Đại :** Cái Vọng Giác thì sáng suốt và chấp thật. Cái Hư Không thì không hay biết gì, hai cái đối đãi với nhau thành có lay động nên tự phát sinh ra Gió, Gió có tính lay động chính mình và lay động muôn vật, do đó mà có Phong Đại ở nơi ta và ở khắp thế giới.
- ❖ **Địa Đại :** Gió cứ lay động mãi thì tự sinh ra cát bụi; Cũng chính vì cái Vọng Tâm phân biệt kiên cố quá nên tự nó lập thành tính cứng mà phát hiện ra Đất Đá, Sắt, Thép, Đồng, Chì...v...v...những thứ này có tính ngăn ngại do lẽ đó mà có Địa Đại ở nơi ta, và cùng khắp thế giới.
- ❖ **Hỏa Đại:** Những tính cứng là Sắt, là Đá v...v... lại bị cọ xát mãi với Gió, thì có Hỏa Đại phát ra cùng khắp Pháp Giới và ở nơi ta.
Hỏa Đại có tính biến hóa, nó có khả năng biến mọi vật từ hình dạng này sang hình dạng khác như khi chúng ta nung sắt, nung đá thì chúng chảy thành nước. Cái lạnh cũng là Hỏa Đại chứ không riêng gì cái nóng, như tuyết lạnh cũng làm kim loại rỉ sét.

- ❖ **Thủy Đại** : Hỏa phát ra mãi, lại đốt những thứ cứng đó chảy thành nước, do đó có Thủy Đại nơi ta và cùng khắp Pháp Giới. Tính của Thủy Đại lưu hành khắp mọi nơi không ở yên một chỗ nào.

Ngũ Đại với Vũ Trụ Thế Giới: Năm thứ Đại (Đất, Nước, Gió, Lửa, Không) dung thông liên hệ, mật thiết với nhau giữa Hư Không, tạo thành Hình Tượng Vũ Trụ Thế Giới:

Ngoài biển cả hơi Nóng (Lửa) luôn bốc lên đốt các vật cứng như đất, đá..v...v...thành Nước chảy xuống:

- ✓ Khi Hỏa Đại mạnh hơn Thủy Đại thì có nhiều gò, nhiều núi cao nổi lên, nhưng nếu ta lấy 2 viên đá đập vào nhau thì có Lửa, còn đem đá đi nấu ở nhiệt độ thật cao thì nó lại chảy ra thành Nước.
- ✓ Khi Thủy Đại (Nước) nhiều quá, mạnh quá mà Địa Đại (Đất) ít quá, kém quá thì :
 - Chỗ Đất bị lún: thật sâu là biển, chỗ lún nông hơn là sông hồ, lạch v...v... tùy theo chiều sâu của đất bị lún.
 - Chỗ Đất không bị lún, nhưng vẫn không đủ Đất vì Nước nhiều hơn, thì Đất bị mềm, cây cỏ, rừng rú mọc lên, nhưng khi ta đốt cây cỏ, thì nó thành Đất, và đem Đất ấy vắt ra, thì lại thành Nước, và cứ thế Nước lại bốc hơi lên và v...v...

Thất Đại của Chúng Sinh (đặc biệt là loài người) : Như đã nói rất kỹ ở trên về Tạng Thức (Thức số 8) còn gọi là Thần Thức mà chúng ta đã gắn bó không rời hằng hà sa số Kiếp! Thức tái sinh này Vô Tướng, là Luồng Nghiệp Lực âm thầm tự động dẫn dắt chúng ta vào vòng Luân Hồi tùy theo nghiệp Thiện/Ác mà chúng ta đã tự tạo, để tự động đi Thọ Thai, đã được chứng minh rất rõ ràng qua “Thập Nhị Nhân Duyên” diễn tiến để có Thân Tâm Tứ Khoa, Thất Đại (Đất, Nước, Gió, Lửa, Không, Kiến và Thức):

Qua Thập Nhị Nhân Duyên :

- 1./ Vô Minh Duyên Hành : Vì Vô Minh, tức Nhất Niệm Vô Minh, nên có Tự Ngã tạo Nghiệp (**HÀNH**)
- 2./ Hành Duyên Thức : Cái Nghiệp Ngã, Chấp Thức (số 8) là Ta (**THỨC**).
- 3./ Thức Duyên Danh Sắc: Ôm Thức (số 8) đi Đầu Thai để có Thân Tâm (Danh Sắc) nhưng chưa thành tự (**DANH SẮC**)

4./ Danh Sắc Duyên Lục Nhập: Bào Thai đã có Sắc Thân với 6 Căn (LỤC NHẬP)

Danh Sắc là Bào Thai:

Danh: Là Bốn Uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức chỉ có tên gọi nhưng chưa thành tựu, Thần Thức này tạm có tên gọi, nhưng nó Vô Tướng, là **Tâm**.

Sắc: Tinh trùng của Cha, và noãn trứng của Mẹ là **Thân** Tứ Đại (Đất, Nước, Gió, Lửa).

5./ Lục Nhập Duyên Xúc: Sáu Căn, Sáu Trần tiếp xúc với nhau, đứa bé đã sinh ra (XÚC)

6./ Xúc Duyên Thọ: Vì tiếp xúc với nhau nên có Cảm Giác riêng biệt của Sáu Căn để lĩnh thụ mọi hoàn cảnh của đời (**THỌ**).

7./ Thọ Duyên Ái: Vì có cảm giác đặc biệt nên có Ái (**ÁI**).

8./ Ái duyên Thủ : Vì có ái nên Chấp và muốn chiếm giữ (**THỦ**).

9./ Thủ Duyên Hữu : Chấp, giữ chặt rồi nhận làm sở hữu của ta để tạo Nghiệp cho kiếp sau (**HỮU**).

10./ Hữu Duyên Sinh: Đã là Ta, là Của Ta thì phải tạo Nghiệp để tư lợi cho Bản Thân, cũng là gieo Nhân đời này để Thọ Sinh đời sau (**SINH**).

11./ Sinh Duyên Lão: Đã có Sinh thì phải đi đến Già (**LÃO**).

12./ Lão Duyên Tử : Đã có già là phải có Chết (**TỬ**).

Cũng qua Thập Nhị Nhân Duyên: Thân Tâm của chúng ta đối với sự sự, vật vật của Vũ Trụ này đều không ra ngoài vòng của 12 Nhân Duyên :

- ❖ Con người : Đi trọn vẹn cả vòng 12 Nhân Duyên với (Sinh, Trụ, Dị, Diệt).
- ❖ Muôn sự, muôn vật mà chúng ta yêu, ta giữ chặt, chúng cũng ở trong vòng của 12 Nhân Duyên với (Thành, Trụ, Hoại, Không).

Chú Ý :

Thập Nhị Nhân Duyên chỉ rõ tác dụng Luân Hồi của Vô Thủy Vô Minh với Nhất Niệm Vô Minh có nghĩa Tương Đối, hoàn toàn là sự suy tư của bộ óc. Thuyết minh này không dính dáng gì đến Chân Như Phật Tính. Vì Chân Như Phật Tính Siêu Việt Sinh/Diệt, Động/Tĩnh, Hữu/Vô và..v...v...

II./ PHƯƠNG PHÁP HẾT VÔ MINH :

Để không nhận giấc làm con, nghĩa là để chúng ta không còn nhận lầm Kiến, Văn, Giác, Tri (Thấy, Nghe, Hay Biết), và Vọng Niệm Phân Biệt làm Thân Tâm mình, rồi khi tu hành sâu hơn thì lại lầm lẫn mà cho rằng nó là Bản Thể Chân Như! Thật ra nó chỉ là cái Vọng Tâm Thức, còn gọi là Thần Thức, Linh Tính, Linh Giác v...v... là cái tự lờ lẫm, nên tự chiêu cảm, tự chấp chước và tự lật ngược: Trí Tuệ thành Thức Vô Minh, Phật thành Chúng Sinh, Vô Sinh thành Sinh Tử, Cực Lạc thành Sa Bà; Đã tự chúng ta lờ lẫm thì nay cũng chính chúng ta phải tìm một phương tiện nào thích hợp nhất của Đức Phật, là trong 84 Ngàn Pháp Môn được quy tụ lại thành 4 Đại Loại :

- 1.- Trì Chú
- 2.- Niệm Phật
- 3.- Quán Tưởng (Giáo Môn)
- 4.- Tổ Sư Thiền (Niêm Hoa Thị Chúng, Giáo Ngoại Biệt Truyền)

Dùng một trong bốn cách tu này để chuyển lại cái khái niệm Vô Minh điên đảo, kiên cố chấp chước ấy trở về nguyên thủy của nó là cái vốn dĩ chân chính (Vô Ngôn, Vô Thuyết, Vô Thị, Vô Thức) là cái ra ngoài mọi lý luận, tranh cãi và gán ghép...v...v...

Trước khi đi vào phương tiện thì chúng ta cũng nên tìm hiểu kỹ càng từng Pháp Môn để tránh mọi phức tạp chưa được rỏ ráo, mất thì giờ vì phải đi loanh quanh.

Vì bất cứ Pháp Môn nào mà không vào được những điều sau đây thì khó mà đến được kết quả rỏ ráo :

- Phủ định Tương Đối
- Thể hiện Bình Đẳng
- Hiện bày Tuyệt Đối
- Siêu việt cả Bình Đẳng, Tương Đối lẫn Tuyệt Đối.

Lối Về Nguồn

*Tám tư ngàn Pháp Môn, Khai Ngộ chúng sinh
Phương tiện Phật dậy, sao thoát khỏi điều linh
Vì nghiệp chướng, căn, cơ, cao thấp chẳng đồng đều
Nên thiên biến, vạn hóa, tùy duyên khéo độ quần sinh*

*Chọn đúng lối về, nhanh, dễ, vẫn hơn
Mau, chậm về nguồn tùy ở Pháp Môn
Đừng Tu nhiều đời, loanh quanh luẩn quẩn
Đừng tốn thời gian trở lại cô thôn!*

*Dù Pháp Môn nao, dù Giáo Môn nào
Mục đích Giác Ngộ, giải thoát lao đao
Chuyển hóa Thức Tâm, toàn Tri Kiến Phật
Sáng soi mặt trời! Tĩnh lặng làm sao!*

*Tứ Thánh Đế, Thập Nhị Nhân Duyên
Cả Ba Bẫy Phẩm Trợ Đạo, đòi hỏi thật chân chuyên
Thiền: Chỉ, Quán, Giáo Môn, cũng hơi rắc rối
Quán, Chỉ thái quá nên chưa tròn viên*

*Tu theo : Tứ Thánh Đế
Tu Thiền : "Chỉ" (Thừa Thanh Văn)*

*Muốn xả Thọ, Tưởng nên nhiếp Lục Căn
Dứt Tư Tưởng, Diệt Cảm Giác khó khăn
Chỉ Tĩnh, Vô Động là chưa thấy Tính
Tuy lặng bề mặt, sâu dưới còn nguyên*

*Tu theo : Thập Nhị Nhân Duyên
Tu Thiền : "Quán" (Thừa Duyên Giác)*

*Thiền Quán, Đoạn Diệt Nhất Niệm Vô Minh
Quán đi, Quán lại, cũng khó viên minh
Chỉ Động, Không Tĩnh, cũng chưa thấy Tính
Chân Như, Niệm gì mà Diệt mà Sinh?*

Tu theo : Lục Độ Ba La Mật

Thiền : “Chỉ, Quán Đồng Tu” (Thừa Bồ Tát)

*Tâm Vật hiệp nhất, bi, lực hy sinh
Lục Độ, Thiền Quán, Phá Vô Thủy Vô Minh
Khi Quán, khi Chỉ sâu vào :
Một Thức, một Trần, một Căn hay Đại
Thất Thức chuyển thẳng, thẳng vào Bát Thức
Ấy vậy còn chưa Tự Định, Tự Minh !*

*Thanh Văn, Duyên Giác, phạm vi Tương Đối
“Ngã, Pháp” còn chấp, luẩn quẩn, lồi thòi
Động, Tĩnh không đồng, sao hợp Diệu Tính!
Bồ Tát còn chưa viên trọn chưa rồi*

*Tổ Sư Thiền
Tham Thoại Đầu, Công Án
Vô Tu, Vô Chứng (Phật Thừa)*

*Không Vật, Không Tâm, dứt sạch nghiệp sâu
Thiền tham Công Án, hay tham Thoại Đầu
“Phật Thừa”, Chân Như là đây Tuyệt Đối
Viên mãn Thật Tướng, Vô Chứng, Vô Cầu*

*Chẳng Pháp Môn nào mà không nhiệm mầu!
Khó, dễ, nhanh, chậm, thời gian bao lâu
Siêng năng, chân tu một đời là đủ
Công Án, Thoại Đầu, miên mật về mau.*

Pháp Môn nào cũng tuyệt vời vì chung mục đích, chỉ đi nhanh hơn hay chậm hơn mà thôi, do lẽ đó khi tìm hiểu và cân nhắc kỹ càng thì chúng ta sẽ thấy rằng : Tu cách nào cũng đều về kết quả của đối đãi là Có Chứng, Có Đắc, và khi Đắc đến tận cùng là đi vào Vô Vi Niết Bàn, có nghĩa là rời bỏ hẳn Cõi Sa Bà (Hữu Vi) là cõi chúng ta đang hiện sống để đi vào Vô Vi thì thật là không hợp với Tinh Thần Bát Nhã (cốt tủy của Phật Pháp) mà Phật Pháp thì chẳng hề rời Thế Gian Pháp bao giờ! Nếu đi ngược lại với Bát Nhã thì chúng ta tự động rơi vào trường hợp có Trí mà không có Thân (Hữu Trí Vô Thân)! Đã gọi là Vô Vi (Trống Rỗng) thì làm sao có thể Chứng Đắc! Nếu có Chứng Đắc là có Số Lượng, do đó mà Vô Sở Đắc (không có gì để Đắc).

Các Khoa Học Gia, các nhà Triết Học từ xưa tới nay dùng bộ óc và dùng toàn vật chất để tìm hiểu Vũ Trụ, Loài Người ở đâu ra. Có biết đâu rằng càng suy nghĩ, càng tìm hiểu, càng phân tích (Duy Vật Luận) thì lại càng đi lạc và kết quả chỉ đến được con số không. Cũng như người học về :

- **Tiểu Thừa chấp ngã (Duy Vật Luận):** *Tu theo Tứ Thánh Đế; Phương tiện: Chủ trương Nhiếp Lục Căn để diệt cảm giác, luẩn quẩn trong Năm Thức đầu, tại chấp thật có Ngã, thật có vạn vật nên lấy vật làm đối tượng, vì nghĩ nó liên hệ mật thiết với Tự Ngã, đổ lỗi cho Sáu Căn đã chiêu tập Trần Cảnh vào, để tạo nên những cảm giác làm chúng ta vướng mắc, do đó người Tiểu Thừa muốn tránh những phiền não ấy nên đóng bít cánh cửa cảm giác, tức là Nhiếp Lục Căn lại, nhưng tiếc thay khi họ nhập định cho dù có trải qua bao thời gian cũng chẳng thể duy trì mãi cái niệm thanh thanh, tịnh tịnh, rút cuộc cũng phải xuất định thì tự động trở lại với những cảm giác cũ của Tự Ngã.*
- **Trung Thừa chấp pháp (Duy Tâm Luận):** *Tu theo Thập Nhị Nhân Duyên; Phương tiện: Chủ trương dứt Nhất Niệm Vô Minh để diệt Tư Tưởng, Thiền Quán mọi sự vật, luẩn quẩn với Nhất Niệm Vô Minh, (Thức số 6), Hưởng nội, dùng Bộ Óc, dùng Nhất Niệm Vô Minh để suy nghĩ và quan sát vạn vật đến cái tận cùng của nó, kết quả lạc vào Vô Ký Không! họ nghĩ rằng đem Ý Căn ngưng lại thì sẽ diệt được tư tưởng, và khi tới được giai đoạn này thì trong Tâm chỉ còn một Niệm thanh tịnh, nên Hành Giả tưởng là đã thành công, nhưng trong thực tế thì cái Nhất Niệm thanh thanh, tịnh tịnh là Vô Ký Không (Vô Thủy Vô Minh), cảnh giới này giống như đồng nhất, nên lầm tưởng là Bản Thể Tuyệt Đối! Có biết đâu, nó vẫn là Nhất Niệm Vô Minh tạm ngưng hoạt động, rồi lại tiếp diễn hoạt động lại! vì nó không ngoài cơ thể hiện hữu, nên vẫn phải chịu mọi tác dụng của cơ thể với sự hạn chế của thời gian, nên khi Hành Giả bị xuất định thì tự động trở lại với Thế Giới tư tưởng, cảm giác! Vậy phương pháp Lý Niệm vẫn là tương đối không ra khỏi phạm vi của Nhất Niệm Vô Minh.*
- **Đại Thừa Chấp Không :** *Phương tiện: Thiền Tĩnh Song Tu, theo Lục Ba La Mật, chủ trương: Phá Vô Thủy Vô Minh nhưng chưa phá được nên luẩn quẩn trong Thức (số 7), chớm vào Thức (số 8). Người tu Đại Thừa không chấp nhận việc ngưng nghỉ Lục Căn cũng như dứt Nhất Niệm Vô Minh mà lấy độc, trị độc là dùng ngay Lục Căn và Nhất Niệm Vô Minh để phá Vô Thủy Vô Minh, nhưng chưa trọn vẹn, vì chưa phá được cái “KHÔNG”. Chân nghĩa của Đại Thừa Phật Pháp là Tuyệt Đối tự Siêu Việt Thời Gian, Không Gian dù trải qua hằng hà sa số kiếp vẫn như vậy, nó lại chẳng lìa Thời Gian và Không Gian nên ứng dụng từng giây từng phút trong đời sống hiện tại mà chẳng có một chướng ngại gì.*
- **Tối Thượng Thừa Thực Tướng:** *Phương tiện: Tham Thoại Đầu, Công Án; Dùng Thức (số 6) vào Thức (số 7) rồi vào Thức (số 8) phá vỡ Không Chấp. Trực Chỉ Chân Tâm, tức trực tiếp chỉ thẳng Phật Pháp Tuyệt Đối.*

Bốn Thừa thực ra chỉ là Nhất Thừa, đều vô cùng quý giá, thấy như khác nhau, đối lập, mâu thuẫn nhau, nhưng đồng một mục đích và khi tiến tới mục đích Tuyệt Đối thì mọi mâu thuẫn, đối lập đều biến thành đồng nhất.

Để không đi loanh quanh và đạt tới đúng tinh thần Phật Pháp là Thực Tướng, Thực Hành và Thực Dụng thì cái Nhất Niệm Vô Minh huyền hóa không thật kia là thủ phạm của cội nguồn Tương Đối, cũng là chủng tử của Vô Thủy Vô Minh phải được siêu việt, bằng cách dùng ngay nó đi thẳng vào Vô Thủy Vô Minh (Thức số 8) để phá cái **KHÔNG CHẤP** này mà đạt Bản Thể Tuyệt Đối.

Muốn tiến vào Tuyệt Đối phải phủ định được Tương Đối, tức Ngộ, mà muốn Ngộ thì phải Nghi, vì: Tiểu Nghi Tiểu Ngộ, Đại Nghi Đại Ngộ, Không Nghi Không Ngộ.

Vậy muốn Nghi chỉ có một cách là Tham Công Án, Tham Thoại Đầu.

Cách Tham Thiền :

A./ Căn bản : Ngồi Thiền cho đúng cách, nhưng không có nghĩa là phải ngồi Kiết Già.

B./ Tham Thiền là kiếm cho mình một Công Án, hay một câu Thoại Đầu thích hợp, Thí dụ:

- ❖ Công Án “MU” hay “Tôi Là Ai”.v...v...
- ❖ Câu Thoại Đầu : Khi chưa có Trời Đất Ta là cái gì?
Hay Niệm Phật là Ai? .v...v...

Chọn một câu, và cứ tự hỏi liên tục 24/24. Khi thì hỏi ra tiếng, khi thì hỏi thầm, suốt ngày đêm : ăn, ngủ, làm việc, nghỉ ngơi v...v...

- Đừng hiểu lầm Tham Thiền là ngồi Thiền; Tham là hỏi, hỏi để Nghi, Có Nghi thì sẽ có Ngộ, tuy nhiên chỉ Tham Thiền mà không ngồi Thiền là vô cùng thiếu sót! Chúng ta rất cần ngồi , ngồi càng nhiều càng tốt, do lẽ đó mà có những buổi Nhiếp Tâm 2 ngày, 5 ngày, 7 ngày v...v...Đức Thích Ca còn phải ngồi 49 ngày thì chúng ta là gì mà không ngồi? Thường thì trong những buổi Nhiếp Tâm để có cơ hội “Ngộ”.
- Tham Thiền không dùng Thức Tâm phân biệt đi truy tìm (tìm hiểu, đoán mò để giải đáp câu hỏi), vì truy tìm chỉ là Hồ Nghi, là lọt vào Tương Đối vì dùng trí óc để suy lường tức Thế Gian Pháp, còn Chính Nghi thì chỉ cho Tâm không hiểu, không biết chứ không cho Tâm đi truy tìm là không dùng bộ óc, nên không lọt vào Tương Đối tức Xuất Thế Gian Pháp.

Vậy : Tham là hỏi. Dùng câu Công Án hay Thoại Đầu để Hỏi, Hỏi một cách rõ ràng từng chữ, phải kiên trì mà Hỏi, Hỏi bằng cả 84 ngàn lỗ chân lông, và 360 cái xương trong Thân mình chứ không chỉ Hỏi bằng miệng là niệm Công Án; chỉ cần chú tâm 100% mà Hỏi, không giải đãi, không nôn nóng thôi thúc, không mong cầu dĩ nhiên không hôn trầm; Hỏi mãi

sẽ có Nghi, Nghi tức không hiểu, càng không hiểu càng Hỏi tiếp dù Vọng Tưởng bởi bởi nổi lên cũng kệ nó, không cần đè nén hay cắt đứt nó, cứ chú tâm vào Công Án mà Hỏi tới mãi, Hỏi không ngừng, để không bị dán đoạn Câu Hỏi ấy, là chúng ta sẽ có công phu miên mật, công phu này tự quét sạch mọi Vọng Tưởng, tự khởi Nghi Tĩnh, chứ đừng cố tạo Nghi Tĩnh; Khi Nghi Tĩnh thành khối tức đến giai đoạn Đầu Sào Trăm Thước, vẫn cứ tiếp tục tham và tham mãi...(có nghĩa là từ Đầu Sào Trăm Thước tiến thêm một bước nữa) thì tự động bộ óc sẽ tạm ngưng hoạt động, Nhất Niệm Vô Minh ngừng, cũng là đã lìa được Ý Thức; Khối Nghi này tự động phá vỡ Vô Thủy Vô Minh (Cái KHÔNG), còn gọi là Căn Bản Vô Minh, là Cội Nguồn Sinh Tử.

Thật lạ thay, Hành Giả tự động ôm trọn cái kết quả đạt Đạo của Nhị Thừa vì đã phá được Ngã, phá được Pháp; Đồng thời cũng ôm trọn cái đạt Đạo của Đại Thừa vì đã phá được cái KHÔNG (Vô Thủy Vô Minh). Hành Giả đã vào được Tuyệt Đối, trọn vẹn Tứ Thánh Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo, Lục Ba La Mật, Bát Chánh Đạo...v...v... cũng là đã **Đắc Giới**, và mỗi hành động, lời nói đều rõ **Niêm Hoa Thị Chúng** (Lý Sự, Định Huệ Viên Dung). Thức (số 6) đã chuyển, thì Thức (số 7), Thức (số 8) phải chuyển theo và tự động chuyển cả Năm Thức đầu). Hành Giả đã biết rõ mình là ai và Vũ Trụ là gì. Tuy nhiên mới là vào giai đoạn khởi Tu để sẽ Ngộ sâu hơn và đi đến Viên Mãn.

Sau khi Kiến Tính :

a./ Phần Ấn Chứng: Sau khi đã Kiến Tính, để minh chứng, xác nhận cho sự khám phá ra Ta Là Ai? Vũ Trụ Vạn Vật là gì? thì chỉ cần đi thật sâu vào một trong bảy Bộ Kinh sau đây như: Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ, Kinh Lăng Già, Kinh Viên Giác, Kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cương, Kinh Duy Ma Cật là thấy rõ Lý Sự y chang.

b./ Kiến Tính Khởi Tu: sau việc Ấn Chứng của Thầy, của Kinh Phật, của Tổ thì Hành Giả vẫn tiếp tục với ngàn, vạn Công Án ở một trong những Bộ Kinh đã nói ở trên và vẫn ngồi Thiền là tự động giữ Giới, nhưng phải bỏ mọi Tập Khí, thói hư đến tận cùng, cứ làm như thế thì sẽ không còn một chút mây mù gì của Ngũ Uẩn và mới tiến tới Viên Mãn được.

Như Đức Phật và Lục Tổ Huệ Năng đã nói: “Tứ Khoa, Thất Đại” là Như Lai Tạng với đầy đủ : Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhân và Lục Thông. Như vậy Thất Đại thành Thất Bảo như Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật đã từng thuyết :

Tính Chân Không là Chân Giác

Tính Chân Giác là Chân Không

Tính của Địa, Thủy, Hỏa, Phong là Chân Không

Tính của Chân Không là Tính Địa Thủy Hỏa Phong

1./ Cũng là Tam Thân :

- Vô Thủy Vô Minh nay trở thành :
THỂ là *Pháp Thân* ----> **Đĩnh** ---> **Công Đức**
- Kiến, Văn, Giác, Tri (Thấy, Nghe, Hay Biết) thành:
TRÍ là *Báo Thân* ----> **Huệ** ----> **Trí**
- Lục Căn : (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý) thành:
DỤNG là *Ứng Thân*----> **Giới**----> **Hạnh**

2./ Bát thức chuyển thành Tứ Trí

- 1./ Tiền Ngũ Thức chuyển thành “Thành Sở Tác Trí”
- 2./ Thức Số 6 chuyển thành “Vô Phân Biệt Trí” hay “Diệu Quan Sát Trí”
- 3./ Thức Số 7 (Mạt Na) chuyển thành “Bình Đẳng Tính Trí”
- 4./ Thức Số 8 (A Lại Gia) chuyển thành “Đại Viên Cảnh Trí”

3./ Ngũ Căn thành Ngũ Nhãn: Tùy theo sự Ngộ nông sâu, trí tuệ cỡ nào mà có Ngũ Nhãn :

- **Nhục Nhãn** : Con người khi còn Vô Minh.
- **Thiên Nhãn**: Như những vị tu Tiên, Thánh (Khi đắc Đạo)
- **Huệ Nhãn** : Những người Tu Tiểu Thừa, Trung Thừa khi Đắc Đạo.
- **Pháp Nhãn** : Các Vị Bồ Tát (Đại Thừa)
- **Phật Nhãn** : Phật có cả Ngũ Nhãn.

Tóm lại nếu Hành Giả chỉ quanh quẩn trong Năm Thức đầu với Thức (số 6) mà đắc được thì cũng chỉ trong vòng Nhục Nhãn, Thiên Nhãn đến Huệ Nhãn.

Nếu Hành Giả phá được Thức (số 7) và đã mon men vào Thức (số 8) thì được Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Pháp Nhãn và cuối cùng nếu Hành Giả vào được Thức (số 8), phá được cái KHÔNG (là Vô Thủy Vô Minh) cũng là phá được cội nguồn Ý Thức thì sẽ có cả Ngũ Nhãn, tức Phật Nhãn (vượt Thấy và Chẳng Thấy).

4./ Lục Thông : Sáu Căn Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý đã thông suốt, không còn bị cách bức; Một tức sáu, sáu tức một, thực ra chẳng có gì đáng gọi là một, là sáu vì nó ra ngoài số lượng, Thời Gian lẫn Không Gian.

Thời gian là : Số lượng (số Một đến Sáu).

Không gian là : Các Căn (các Căn choán một phần không gian).

III.- Kết Luận : Tóm lại, khi đã trực nhận ra Bản Thể thì lúc ấy :

- ❖ Nhất Thể Tam Thân, Thể Dụng như một. Định Huệ bình đẳng, diệu dụng hằng sa, ba tức một, một tức ba (thực ra chẳng một, chẳng ba vì siêu số lượng).
- ❖ Giống như Diễn Nhã Đạt Đa khi đã hết điên thì thấy cái đầu của mình vẫn đấy chứ đầu có mất bao giờ; cũng giống như chúng ta hết Vọng Tưởng Vô Minh thì tự động Tỉnh Mộng và thấy cái gì nó là cái đó, vẫn y nguyên (Như Thị) chứ có phải chuyển, phải lật, phải đập, phải phá cái gì đâu, vì Chân Tính không phải là vật thì làm sao có thể đập phá, hay tạo thành? Nó hoàn toàn vượt ngoài suy luận đối đãi, vượt ngoài có/không, thật/giả và đúng y Bát Nhã :

Thân Tâm, Cảnh Giới Bát Nhã tự ra ngoài đối đãi:

*Sắc Tức Thị Không,
Không Tức Thị Sắc*

phi tâm, phi vật, vô Tu, vô Chứng, nhưng Tính không rời Tướng, Tướng không rời Tính, Phật Pháp không ngoài Thế Gian Pháp, chúng ta không ngoài Vũ Trụ Vạn Vật, Vũ Trụ Vạn Vật không ngoài ta,

Cũng là:

“Cảnh vốn tự Không đâu cần hoại Tướng” (Kinh Pháp Hoa)

(Mọi sắc tướng, vũ trụ vạn vật cũng như Thân Ngũ Uẩn của chúng ta tự là “KHÔNG” chứ không cần phải diệt rồi mới có “KHÔNG”)

Trong Động có Tĩnh, trong Tĩnh có Động. Động là Tĩnh, Tĩnh là Động, Động Tĩnh Như Như, cho nên cái xao động và cái không xao động đều Như Như bình đẳng, thế mới thật là không xao động, như vậy mới trọn vẹn cả Trí lẫn Thân, thật là Vsi Diệu.

Chú Ý : Mọi danh từ : Ngộ, Đắc, Phá, Đi, Về, tên của các Thừa và tên của bất cứ gì trong bài viết này đều là Giả Danh, đều là Phương Tiện!